SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn kiểm tra: Ngữ văn 12
Ngày kiểm tra: /12/2024
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

"Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa
Chúng nó chẳng còn mong được nữa
Chặn bàn chân một dân tộc anh hùng.
Những bàn chân từ than bụi, lầy bùn
Đã bước dưới mặt trời cách mạng.
Những bàn chân của Hóc Môn, Ba Tơ, Cao-Lạng
Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu
Những bàn chân đã vùng dậy đạp đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!
Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp,
Rắn như thép, vững như đồng.
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chí ta lớn như biển Đông trước mặt!
Ta đi tới, không thể nào chia cắt
Mục Nam quan đến bãi Cà Mau
Trời ta chỉ một trên đầu
Bắc Nam liền một biển
Lòng ta không giới tuyến
Lòng ta chung một cụ Hồ
Lòng ta chung một Thủ đô
Lòng ta chung một cơ đồ Việt Nam!"
(8-1954)

(Trích *Ta đi tới* - Thơ Tố Hữu - NXB Thanh Niên – tr113-115)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định đề tài của đoạn trích trên.

Câu 2. Chỉ ra yếu tố tượng trưng trong những câu thơ sau:

"Những bàn chân đã vùng dậy đạp đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!"

Câu 3. Nêu nội dung chính thể hiện ở bốn dòng thơ sau:

"Ta đi tới, không thể nào chia cắt
Mục Nam quan đến bãi Cà Mau
Trời ta chỉ một trên đầu
Bắc Nam liền một biển" ?

Câu 4. Phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ so sánh được sử dụng ở những dòng thơ:

"Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chí ta lớn như biển Đông trước mặt!"

Câu 5. Từ ý nghĩa của hai câu thơ:

"Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp,
Rắn như thép, vững như đồng."

anh/chị rút ra bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. ***(2,0 điểm)***

Viết đoạn văn nghị luận *(khoảng 150 chữ)* trình bày cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau:

"Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa
Chúng nó chẳng còn mong được nữa
Chặn bàn chân một dân tộc anh hùng.
Những bàn chân từ than bụi, lầy bùn
Đã bước dưới mặt trời cách mạng.
Những bàn chân của Hóc Môn, Ba Tơ, Cao Lạng
Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu
Những bàn chân đã vùng dậy đạp đầu
Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!".

(8-1954)

(Trích *Ta đi tới* - Thơ Tố Hữu - NXB Thanh Niên - tr113-114)

Câu 2. ***(4,0 điểm)***

Viết bài văn nghị luận *(khoảng 450 chữ)* trình bày suy nghĩ của anh/chị về những việc cần làm của tuổi trẻ để tương lai tỏa sáng.

----------**HẾT**----------

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm

Họ, tên học sinh:.....; Số báo danh:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

HƯỚNG DẪN CHẤM
(Gồm 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn kiểm tra: Ngữ văn 12
Ngày kiểm tra: …./12/2024
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình lớp 12.
- Đánh giá việc học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đọc hiểu thể loại thơ hiện đại, viết đoạn nghị luận văn học cảm nhận về một đoạn thơ, viết bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Cách thức tổ chức: Tập trung

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	TP năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy							Điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng	
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ		
I	Đọc	VBVH, Tiếng Việt	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%	4
II	Viết	Đoạn NLVH	1		05%		10%		05%	20%	2
		Bài NLXH	1		10%		10%		20%	40%	4
Tỉ lệ				25%		40%		35%		100%	
Tổng			7	100%							10

IV. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	TP năng lực	Nội dung	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	1. Đọc hiểu	1. Thơ	**Nhận biết:** - Nhận biết được đề tài của văn bản. - Nhận biết được thông tin trong văn bản - Nhận biết được biện pháp tu từ **Thông hiểu:** - Thông hiểu được ý nghĩa của chi tiết, câu thơ, tác dụng của biện pháp tu từ **Vận dụng:** - Suy nghĩ về thông bài học rút ra qua đoạn trích trên.	2 câu	2 câu	1 câu
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận về một đoạn trích thơ.	**Nhận biết:** - Giới thiệu và trình bày được khái quát về đoạn thơ. **Thông hiểu:** - Triển khai vấn đề nghị luận thành luận	1	1	1 câu TL

			điểm phù hợp. Phân tích được những đặc điểm nổi bật về đoạn thơ. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Vận dụng:** - Thể hiện được quan điểm, ý kiến của bản thân khi đánh giá về một đoạn thơ. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. - Liên hệ, so sánh.			
3	**Viết**	Nghị luận xã hội	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận; đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn; vấn đề cần nghị luận… - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong đoạn văn. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. **Thông hiểu:** - Hiểu và giải thích được vấn đề. Đưa ra được suy nghĩ của bản thân về vấn đề - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Vận dụng:** - Vận dụng kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để giải thích, bình luận, chứng minh làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học có ý nghĩa với bản thân, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.	**1**	**1**	1 câu TL

V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	**ĐỌC HIỂU**		**6,0**
	1	**Câu 1.** Xác định đề tài của đoạn văn bản trên. Đề tài: sức mạnh, ý chí của dân tộc ta trong kháng chiến *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời đúng đề tài: 0,5 điểm* *- Trả lời không đúng, đề tài khác : 0 điểm* *HS trả lời đúng ý, có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	0,5
	2	**Câu 2.** Chỉ ra yếu tố tượng trưng trong những câu thơ. *"Những bàn chân"* *"Lũ chúa đất", "bùn đen vạn kiếp!"* *Hướng dẫn chấm:* *- Chỉ ra được 2-3 hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng cho điểm tối đa: 0,5 điểm* *- Chỉ ra được 01 hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng cho: 0,25 điểm* *- Không trả lời đúng: 0 điểm*	0,5
	3	**Câu 3.** Nêu nội dung chính thể hiện ở bốn dòng thơ sau: *"Ta đi tới, không thể nào chia cắt* *Mục Nam quan đến bãi Cà Mau* *Trời ta chỉ một trên đầu* *Bắc Nam liền một biển"* - Khẳng định sự thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của chúng ta từ địa đầu Tổ quốc tới đất mũi *Cà Mau*, chung một biển trời quê hương. - Khẳng định sức mạnh, ý chí và tinh thần đoàn kết giữa hai miền Nam Bắc, lòng yêu nước, tấm lòng thủy chung, tinh thần kiên trung, bất khuất, ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của dân tộc ta. *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời được đủ ý như trên: 1,0 điểm* *- Trả lời được 1 ý như trên: 0,5 điểm* *- Trả lời chung chung nhưng có chạm đến các trên: 0,5 điểm* *- Trả lời chung chung có chạm đến 1 trong các ý trên: 0,25 điểm* *HS có cách diễn đạt tương đương, đầy đủ ý cho điểm tối đa.*	0,5 0,5
	4	**Câu 4.** Nêu tác dụng của phép tu từ so sánh được sử dụng ở khổ thơ sau. *"Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp* *Cao như núi, dài như sông* *Chí ta lớn như biển Đông trước mặt!"* - Biện pháp tu từ so sánh: *Đội ngũ ta - Cao như núi, dài như sông* *Chí ta lớn- như biển Đông trước mặt!* - Tác dụng: + diễn tả, khắc họa được những đoàn quân ra trận tham gia	0,25

		kháng chiến đông đảo, hùng hậu dũng mãnh cuồn cuộn điệp trùng nối dài đến vô tận, tưởng không bao giờ hết *Cao như núi, dài như sông*; vừa gợi lên sức mạnh, khí thế hào hùng của một dân tộc hùng tráng, mang sức mạnh của lòng yêu nước, của lí tưởng cách mạng, khát khao chiến đấu và chiến thắng quân thù. + khẳng định sự lớn mạnh trưởng thành không ngừng của dân tộc ta, sức mạnh và tinh thần đoàn kết, niềm tự hào, kiêu hãnh tự tin… Dân tộc ta "đi tới" với khí thế ngút trời, ý chí quyết tâm sắt đá chiến đấu và chiến thắng + Hình ảnh so sánh cụ thể sinh động, tăng sức gợi hình gợi cảm cho đoạn thơ, tạo được nhịp điệu mạnh mẽ, dồn dập, khẩn trương âm hưởng hào hùng, giọng điệu chắc khoẻ hừng hực sục sôi….. *Hướng dẫn chấm:* *- Chỉ ra được biểu hiện của phép tu từ đúng: 0,25 điểm* *- Trả lời được 3 ý tác dụng: 0,75 điểm* *- Trả lời được 2 ý tác dụng: 0,5 điểm* *- Trả lời được 1 ý tác dụng : 0,25 điểm* *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	0,75
	5	**Câu 5.** Từ ý nghĩa của hai câu thơ: *"Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp,* *Rắn như thép, vững như đồng."* anh/ chị rút ra thông điệp gì? - Nội dung: Dân tộc ta *"đi tới"* với khí thế ngút trời, chặng đường giành lại giang sơn bờ cõi của dân tộc ta không một giây nào chùn bước, ý chí quyết tâm sắt đá, bất khuất kiên cường, sức mạnh vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến *"rắn như thép, vững như đồng"*. Qua đó, tác giả thể hiện niềm tự hào về sức mạnh, tinh thần đoàn kết và niềm tin vào tương lai chiến thắng của dân tộc ta. - Gợi ý về bài học: + ý chí kiên định vững vàng, quyết tâm, tinh thần đoàn kết sẽ làm nên sức mạnh to lớn làm nên thành công …… + dũng cảm xông pha tiến về phía trước, mạnh mẽ bản lĩnh,… + Niềm tin về tương lai, không chùn bước trước khó khăn thử thách… *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời được 2 ý: 1,0 điểm* *- Trả lời được 1 ý nội dung/bài học : 0,5 điểm* *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	0,5 0,5
II	**VIẾT**		**6.0**
	Câu 1	*a. Đảm bảo cấu trúc đoạn nghị luận văn học*	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận.	0,25

		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm - HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là một hướng gợi ý: - Nhà thơ khơi dòng cảm xúc từ những ngày chiến đấu gian khổ để có được chiến thắng lẫy lừng. Đất nước được lớn lên từ khói lửa chiến tranh, từ sự chiến đấu kiên cường bền bỉ của cả dân tộc : *Ta đã lớn lên rồi trong khói lửa* …… *Lũ chúa đất xuống bùn đen vạn kiếp!* + thể hiện sức mạnh của dân tộc anh hùng, sức mạnh đoàn kết tình yêu đất nước tha thiết, tinh thần chiến đấu hết mình vì Tổ quốc của dân và quân ta không chịu bị khuất phục trước kẻ xâm lược + Những người lính giản dị bình thường, xuất thân từ *"than bụi, lầy bùn"*, trưởng thành dưới ánh *"mặt trời cách mạng"*. + Họ xông pha mọi chiến trường, không sợ hiểm nguy, vùng lên tiến bước, quyết tâm chiến đấu lập nên những kì tích, chiến thắng lẫy lừng, vang danh chấn động địa cầu. + Khí thế chiến đấu, lý tưởng hóa sức mạnh như những bàn chân khổng lồ sẵn sàng dẫm đạp lướt trên đầu kẻ thù mà xốc tới…. -> niềm vui sướng phấn khởi tự hào, tư thế kiêu hãnh của một dân tộc chiến thắng thể hiện dân tộc ta "đi tới" với khí thế ngút trời, hùng hậu, đoàn kết. Cảm hứng ngợi ca sức mạnh và tinh thần đoàn kết của dân tộc ta - Nghệ thuật: + Thể thơ tự do, cảm xúc vui sướng hân hoan, những hình tượng giàu ý nghĩa tượng trưng mạnh mẽ hào hùng, sử dụng động từ mạnh nhằm khẳng định sức mạnh, ý chí quyết tâm, nhịp thơ dồn dập khẩn trương, giọng thơ sôi nổi hào sảng, kết hợp khuynh hướng sử thi với cảm hứng lãng mạn phơi phới niềm vui, tự hào… ***Hướng dẫn chấm:*** *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc, sáng tạo, diễn đạt tốt: 1,75 - 2,0 điểm.* *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc, diễn đạt được : 1,0 điểm – 1,5 điểm.* *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0 5 điểm – 0,75 điểm.* *- Lạc đề, không hiểu vấn đề: 0 điểm*	1,0
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.	0,25
	Câu 2	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội* HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài,	0,25

		kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; Mở bài phải giới thiệu vấn đề cần nghị luận; Thân bài phải triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; Kết bài phải khẳng định vấn đề cần nghị luận. Diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. - những việc cần làm của tuổi trẻ để tương lai tỏa sáng	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm - HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là một hướng gợi ý:	3,0
		* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.	0,5
		- *"Tương lai tỏa sáng"* là hướng tới cuộc đời thật đẹp, có ích có ý nghĩa, lao động học tập, cống hiến hết mình, nỗ lực để đạt đến đỉnh cao của thành công, biến ước mơ trở thành hiện thực, làm được nhiều việc có ích, có những đóng góp thiết thực được xã hội tôn vinh, ghi nhận - Để tương lai tỏa sáng mỗi người cần: Sống có mục đích, lí tưởng, xác định rõ mục tiêu lí tưởng của đời mình, hoạch định cho mình một tương lai chính là phương hướng là đích đến - Hiểu rõ nhu cầu và năng lực bản thân, có phẩm chất lối sống đúng đắn chuẩn mực….. - Mỗi người phải hiện thực hoá mục tiêu, khát vọng, ước mơ bằng những hành động, việc làm cụ thể. - Tuổi trẻ luôn khát khao cống hiến và khẳng định mình. * Phê phán - Cần lên án những người sống không có mục tiêu, lí tưởng, ỷ lại hay lười biếng….. - Không ít bạn trẻ hiện nay đang lầm tưởng hay ngộ nhận về ý nghĩa thực sự của việc tỏa sáng, được "nổi tiếng" bằng mọi giá, thậm chí cho rằng "nổi tiếng" có được từ những "tai tiếng". * Bài học nhận thức và hành động: ***Hướng dẫn chấm:*** *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc, diễn đạt tốt, bài viết có sáng tạo : 3,75 - 4,0 điểm.* *- Trình bày đầy đủ, có ý sâu sắc, diễn đạt được : 2,5 điểm – 3,5 đ.* *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc, diễn đạt tạm được : 1,75 điểm –2,25 điểm.* *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,5 điểm.* *- Lạc đề, không hiểu vấn đề: 0,0 điểm*	2,0 0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.	0,25
	Tổng điểm		**10,0**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề kiểm tra có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn kiểm tra: Ngữ văn 11
Ngày kiểm tra: /12/2024
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

"Rồi ông ngồi lử thử. Bởi vì ông buồn lắm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mươi bữa, nửa tháng là ông đã phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi! Buồn biết mấy?... Ông đờ đẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... A thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì cớ gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng, Dần đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá. Ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn. Bà thông gia, trái lại nhiều lời lắm. Bà vui vẻ. Bà nói luôn. Bởi tài ăn nói của người ta, một đời mới có dịp dùng đến độ vài lần. Bà thì chỉ một lần thôi, bởi vì bà có mỗi một mống con trai. Lấy một con vợ cho con, có dễ đâu? Nhất là mình lại không có nhiều tiền. Công việc phải qua mấy mươi nấc, mấy mươi cầu. Chưa cưới được vợ về cho con, thì còn là đi lại mỏi chân, van ông lạy bà sái hàm răng... Công việc của bà, mười phần xong đến chín phần rồi. Còn một tý chút nữa mà thôi. Tội gì không ngọt ngào với người ta cho yên ổn cả. Người ta gả con gái, đã chẳng được gì thì cũng phải được lời nói mát lòng, mát ruột cho hả dạ...

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vẻn vẹn có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nốt. Ông đành kéo mấy cành rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần cộng cộc xắng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng.Chú rể dắt đứa em lớn của Dần. Còn thằng bé thì ông bố cõng. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

Đến nhà trai, bà mẹ chồng mời bố Dần uống nước ăn trầu. Rồi bà giết một con gà, dọn cho ba bố con ông một mâm cơm. (Dần vừa thẹn vừa buồn không chịu ngồi ăn). Ba bố con lặng lẽ ăn. Người cha ăn có vài lượt cơm, rồi buông bát đĩa, ngồi xỉa răng đợi cho hai đứa con ăn. Ông thúc chúng ăn nhanh lên, rồi còn về kẻo khuya. Thằng lớn và cơm phùng mồm ra, bị nghẹn mấy lần. Khi cả hai con đã thôi cơm, ông cho chúng nó uống nước rồi đứng lên, chào bà mẹ chồng Dần để ra về. Ông dắt thằng lớn và cõng thằng bé trên lưng. Dần đứng đợi cha ở ngoài sân. Nó vẫn còn dụi mắt. Người cha ái ngại, đứng lại nhìn con một thoáng rồi âu yếm bảo:

– Thôi! Thầy cho em về nhé.

Dần khóc nấc lên. Hai đứa em không còn chế nhạo nữa. Thằng lớn chực khóc. Thằng bé ngây mặt ra vì không hiểu sao cả. Người cha mắng yêu con:

– Mẹ chúng mày!...

Bà mẹ chồng thấy Dần khóc quá, chạy ra. Bố Dần vội bước đi. Dần chạy theo cha, nức nở:

- Thầy!... Thầy...

– Mẹ mày!... nín đi cho thầy về.

– Thầy đừng... đi... lên rừng!

Người cha thấy lòng thổn thức và đáp liều:

–Ừ, thì thôi... Mẹ mày!"

(Trích *Một đám cưới*, Tuyển tập Nam Cao, NXB Văn học, 2016, Tr 235)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định đề tài của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, câu văn nào thể hiện lý do người cha của Dần phải đi làm ăn xa?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng ở câu văn sau: *"Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần cộng cộc xấng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách."*

Câu 4. Anh/Chị cảm nhận gì về tấm lòng người cha trong những câu văn sau: *"Ông đờ đẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá..."*?

Câu 5. Từ nội dung đoạn văn bản trên, thông điệp có ý nghĩa nhất với anh/chị là gì?

II.VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (*2,0 điểm*)

Viết đoạn văn nghị luận *(khoảng 150 chữ)* trình bày cảm nhận của anh/ chị về tâm trạng người cha của Dần trong đoạn trích ở phần đọc hiểu.

Câu 2. (*4,0 điểm*)

Viết bài văn nghị luận *(khoảng 450 chữ)* trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc cần phải làm gì để vượt lên trên nghịch cảnh.

----------HẾT----------

Học sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm

Họ, tên học sinh:.....; Số báo danh:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

HƯỚNG DẪN CHẤM
(Gồm 05 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn kiểm tra: Ngữ văn 11
Ngày kiểm tra: …./12/2024
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình lớp 11.
- Đánh giá việc học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đọc hiểu truyện ngắn hiện đại, viết đoạn nghị luận về một vấn đề trong truyện ngắn hiện đại, viết bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Cách thức tổ chức: Tập trung

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Thành phần năng lực	Mức độ nhận thức						Tổng số câu		Điểm số
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Phần đọc hiểu		2 10%		2 20%		1 10%		5 40%	4,0
2	Viết đoạn văn NLVH		1 5%		1 10%		1 5%		1 20%	2,0
3	Viết bài văn NLXH		1 10%		1 10%		1 20%		1 40%	4,0
Tổng số câu			**4**		**4**	**3**			**7**	**10**
Tỉ lệ %		**25%**		**40%**		**35%**			**100%**	**10**
Tỉ lệ chung		**65 %**				**35%**		**100%**		**10**

IV. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Thành phần năng lực	Đơn vị kiến thức/Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	**Đọc hiểu**	Truyện ngắn	**Nhận biết:** - Nhận biết được đề tài của văn bản. - Nhận biết được thông tin trong văn bản. - Nhận biết được biện pháp tu từ trong văn bản **Thông hiểu:** - Thông hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn văn bản - Hiểu được ý nghĩa của câu văn. **Vận dụng:** - Rút ra được thông điệp ý nghĩa.	2 câu	2 câu	1 câu
2	**Viết**	Đoạn văn nghị luận văn học	**Nhận biết:** - Giới thiệu và trình bày được những nội dung khái quát về tâm trạng của nhân vật người cha của Dần và nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích. **Thông hiểu:** - Triển khai vấn đề nghị luận thành luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Vận dụng:** - Thể hiện được quan điểm, ý kiến của bản thân khi đánh giá về một đoạn trích văn xuôi. **Vận dụng cao:** - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức đoạn trích - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính			1 câu TL

			trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. - Liên hệ, so sánh.			
3	**Viết**	Bài văn nghị luận xã hội	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận; đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn; vấn đề cần nghị luận… - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài văn. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. **Thông hiểu:** - Hiểu và giải thích được vấn đề. Đưa ra được suy nghĩ của bản thân về vấn đề - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Vận dụng:** - Vận dụng kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để giải thích, bình luận, chứng minh làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Nêu được những bài học có ý nghĩa với bản thân, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết.			

V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	**ĐỌC HIỂU**		**4,0**
	1	- Đề tài: người nông dân trước cách mạng tháng Tám/ cuộc sống khốn khó nghèo đói của người nông dân trước cách mạng tháng Tám ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời chính xác : 0,5 điểm* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm*	0,5
	2	- Câu văn thể hiện lý do người cha của Dần phải đi làm ăn xa: *"A thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì cớ gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng, Dần đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa..."* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời chính xác : 0,5 điểm* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm*	0, 5
	3	- Biện pháp tu từ liệt kê: *áo vải thường ngày, quần cộng cộc xắng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch, cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách"* - Tác dụng: + Miêu tả thật chân thực đến xót xa trang phục của cô dâu trong ngày cưới, ngày trọng đại nhất đời người con gái mà thiếu thốn, nghèo nàn không nghi lễ, không hạnh phúc, buồn thảm. + Hoàn cảnh khó khăn nghèo khổ, cuộc sống số phận nghèo khó cơ cực của người nông dân trước cách mạng tháng Tám; cái nhìn đầy xót thương trăn trở thấu hiểu cảm thông của nhà văn trước tình cảnh thê thảm của con người. + Tăng sức gợi hình gợi cảm, diễn đạt sinh động cụ thể gây ấn tượng mạnh… ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm* *- Học sinh xác định đúng biện pháp tu từ và phân tích được 2/3 ý tác dụng: 0,75 điểm* *- Học sinh chỉ xác định đúng biện pháp tu từ và phân tích 1 tác dụng: 0,5 điểm* *- Học sinh chỉ xác định đúng biện pháp tu từ nhưng không chỉ rõ từ ngữ thể hiện biện pháp: 0,25 điểm* *- Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm*	0,25 0,25 0,25 0,25
	4	-Tấm lòng người cha qua những câu văn: *"Ông đờ đẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng: giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá..."*? - Là một người nông dân hiền lành chất phác, nhân hậu vị tha bao dung, hết lòng yêu thương con, lo lắng cho con - Trăn trở về trách nhiệm của người làm cha, lo toan cho cuộc sống gia đình trước khó khăn đói khổ. Tâm sự nặng trĩu suy tư, buồn bã lo lắng	0,5 0, 5

		Hướng dẫn chấm: *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm* *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm* *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm* ****Lưu ý:** Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận.*	
	5	Từ nội dung đoạn văn bản trên, thông điệp có ý nghĩa nhất: -Nội dung: Đoạn trích tái hiện khung cảnh một đám cưới của nghèo khó cơ cực thiếu thốn, không nghi lễ, không hạnh phúc, tâm trạng buồn tủi xót thương của những con người trong đám cưới; cái nhìn đầy xót thương trăn trở thấu hiểu cảm thông của nhà văn trước tình cảnh thê thảm của con người..... - Thông điệp có ý nghĩa: ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm* *- Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm* *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm* ****Lưu ý:** Học sinh có thể diễn đạt nhiều cách miễn hợp lí là chấp nhận.*	0,5 0,5
II	**VIẾT**		**6,0**
	1	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận văn học*	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Thể hiện tâm trạng của bố Dần khi con gái đi lấy chồng: buồn, thương con, không nỡ xa các con.....	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm - HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là một hướng gợi ý: - Về nội dung: + Bố Dần là những người nông dân nghèo, dù có nhà, có đất nhưng cuộc sống, số phận nghèo đói, tủi cực. + Tâm trạng người bố được tô đậm trong tình huống éo le: đám cưới giữa ngày đói của con gái qua loa, sơ sài, buồn tủi… + Ông nghĩ cho các con, yêu thương con, buồn, thương con, không nỡ xa các con, lo lắng cho con, trăn trở về trách nhiệm của người làm cha, lo toan cho cuộc sống gia đình trước khó khăn đói khổ. Tâm sự nặng trĩu suy tư, buồn bã lo lắng + Ông thấu hiểu cảm thông chia sẻ với hoàn cảnh của nhà thông gia, không đòi hỏi lễ nghi theo tập tục + Xót thương và trăn trở trước tương lai của các con -> diễn biến tâm trạng của ông bố của Dần để thấy được vẻ đẹp nhân cách, lòng nhân hậu, bao dung, vị tha, sự vẫn ấm áp chan chứa tình người của nhân vật, giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo. - Nghệ thuật: lựa chọn cách kể chuyện bằng lời văn nửa trực tiếp gồm lời kể của tác giả và lời tác giả nhập thân vào nhân vật diễn tả tiếng lòng đau đớn, khổ sở của người cha tội nghiệp, lời kể của tác giả khách quan, miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật chân thực tinh tế sâu sắc, ngôn ngữ, giọng điệu... ***Hướng dẫn chấm:*** *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 1,0 điểm.*	1,0

		- Trình bày chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 0,75 điểm.	
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ.	0,25
	2	*a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội* HS kết hợp được kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận văn học. Bài viết phải có bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) đầy đủ, rõ ràng; đúng kiểu bài nghị luận; Mở bài phải giới thiệu vấn đề cần nghị luận; Thân bài phải triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; Kết bài phải khẳng định vấn đề cần nghị luận. Diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. - việc cần phải làm gì để vượt lên trên nghịch cảnh.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm - HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là một hướng gợi ý:	3,0
		* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận	0,5
		-Nghịch cảnh là các tình huống éo le, khó khăn và thách thức trong cuộc sống mà con người phải đối mặt. Đây giống như một phép thử cho lòng kiên trì, dũng cảm, và sự bản lĩnh của mỗi cá nhân. - Thông qua cách ứng xử và đối diện với nghịch cảnh, con người sẽ thấy được tình cảm, cảm xúc của bản thân; thấu hiểu thêm về năng lực và trí tuệ của chính mình. - Cần luôn có ý thức học hỏi cầu tiến, trau dồi kiến thức, nâng cao trí tuệ, tỉnh táo trong nhận thức, rút ra kinh nghiệm cho bản thân - Cần rèn giũa năng lực, phẩm chất, tâm hồn, tình cảm, những thói quen tích cực, lạc quan, không rơi vào tiêu cực…. - Cần phải rèn luyện bản lĩnh, ý chí kiên cường trước mọi nghịch cảnh,…. - Cần cải thiện các kỹ năng giải quyết vấn đề, xem nghịch cảnh như thử thách cần vượt qua, tích cực hành động để thay đổi….. - Mở rộng, phản đề + Ngay trong hoàn cảnh bình thường của cuộc sống, con người cũng phải nỗ lực cố gắng không ngừng. + Phê phán quan niệm và hành động sai lầm: chạy trốn hay đầu hàng nghịch cảnh, thiếu tỉnh táo, sáng suốt khi gặp cảnh éo le, ngang trái, dễ thất bại trong công việc, thậm chí bị lợi dụng. - Bài học nhận thức và hành động *Hs lựa chọn dẫn chứng phù hợp, thuyết phục* ***Hướng dẫn chấm:*** *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 3,0 điểm.* *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 2,0 điểm – 2,75 điểm.* *- Trình bày chung chung, sơ sài: 1,25 điểm – 1,75 điểm.*	2,0 0,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, thể	0,25

		hiện suy nghĩ mới mẻ, sâu sắc về vấn đề cần nghị luận	
	Tổng điểm		**10,0**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC
(Đề kiêm tra có 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn kiểm tra: Ngữ văn 10
Ngày kiểm tra: 28/12/2024
Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc văn bản sau :

NƯỚC LỤT HỎI THĂM BẠN

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu[(1)]
Lụt lội năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con rày lớn, bé?
Vài gian nếp cái ngập nông, sâu?
Phân thua suy tính càng thêm thiệt,
Tuổi cả chơi bời họa sống lâu.
Em cũng chẳng no, mà chẳng đói,
Thung thăng chiếc lá, rượu lưng bầu.

(Nguồn: *Nguyễn Khuyến, tác phẩm và lời bình, NXB Văn học, 2011)*

** Chú thích:*

(1) *Bác Châu Cầu:* Cụ Bùi Văn Quế người làng Châu Cầu, huyện Thanh Liêm (Hà Nam), đỗ cử nhân cùng khoa với tác giả, sau được bổ làm quan đến chức Tuần phủ rồi về hưu. Dân địa phương quen gọi là cụ Nghè Châu Cầu.

Thực hiện các yêu cầu :

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Nêu đề tài của bài thơ.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

"Mấy ổ lợn con rày lớn, bé?
Vài gian nếp cái ngập nông, sâu?"

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về tâm trạng của tác giả qua hai câu thơ kết bài:

"Em cũng chẳng no, mà chẳng đói,
Thung thăng chiếc lá, rượu lưng bầu."

Câu 5. Thông điệp có ý nghĩa nhất mà anh/chị rút ra được từ văn bản. Lý giải vì sao chọn thông điệp đó?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1. ***(2,0 điểm)***

Viết đoạn văn (*khoảng 150 – 200 chữ)* cảm nhận về giá trị nội dung của văn bản phần đọc hiểu (*Nước lụt hỏi thăm bạn – Nguyễn Khuyến)*

Câu 2. ***(4,0 điểm)***

Hàng ngày chúng ta vẫn thường đọc những bình luận thế này trên mạng xã hội: *"Cô ta thật xấu tính"; "Là gì đâu mà ghê gớm thế"; "Học đã giỏi hơn ai mà tinh vi"*...Đó là những bình luận đầy ác ý và thiếu thiện chí trên mạng xã hội. Anh/chị hãy viết bài luận *(khoảng 400 chữ)* thuyết phục người khác từ bỏ thói quen này khi sử dụng mạng xã hội của giới trẻ hiện nay.

---------- Hết----------

Học sinh không được sử dụng tài liệu.
Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGUYỄN QUỐC TRINH

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn : Ngữ văn 10
Năm học 2024 - 2025

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình lớp 10.
- Đánh giá việc học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đọc hiểu thể loại thơ Nôm Đường luật, viết bài nghị luận về một thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen xấu.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Cách thức tổ chức: Tập trung

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

1. Bảng ma trận khung đề kiểm tra cuối học kì I – Ngữ văn 10

TT	Thành phần năng lực	Mức độ nhận thức						Tổng số câu		Điểm số
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Phần đọc hiểu		2 10%		2 20%		1 10%		5 40%	4,0
2	Viết đoạn văn NLVH		1 5%		1 10%		1 5%		1 20%	2,0
3	Viết bài văn NLXH		1 10%		1 10%		1 20%		1 40%	4,0
Tổng số câu			**4**		**4**	**3**			**7**	**10**
Tỉ lệ %		**25%**		**40%**		**35%**			**100%**	**10**
Tỉ lệ chung		**65 %**				**35%**		**100%**		**10**

2. Bảng đặc tả ma trận đề kiểm tra cuối học kì I – Ngữ văn 10

Chủ đề/ Nội dung		Mức độ			Tổng số
		Biết	**Hiểu**	**Vận dụng/ vận dụng cao**	
Đọc hiểu	Văn bản thơ Nôm Đường luật: *Nước lụt hỏi thăm bạn* – Nguyễn Khuyến	- Xác định thể thơ, chủ thể trữ tình, đề tài của bài thơ - Chỉ ra những hình ảnh thơ - Nhận biết được các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ	- Giải nghĩa từ ngữ trong bài thơ. - Nêu chủ đề/ đề tài của bài thơ - Nhận xét về việc sử dụng từ ngữ, tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ - Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ. - Nhận xét về nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ	- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc - Nêu được quan điểm của cá nhân về 1 vấn đề được đặt ra trong bài thơ.	
	Số câu **Số điểm** **Tỉ lệ**	2 10%	2 20%	1 10%	5 4,0 **40%**
Viết	Câu 1- Viết đoạn văn nghị luận văn học	Kiểu bài viết đoạn văn nghị luận về 1 vấn đề văn học rút ra từ văn bản đọc hiểu	Hiểu được giá trị nội dung của một bài thơ Đường luật từ đó đánh giá được giá trị của bài thơ	Nêu được quan điểm của cá nhân về 1 vấn đề được đặt ra trong bài thơ.	
	Câu 2 - Viết bài văn nghị luận xã hội	- Kiểu bài NLXH: Thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen	- Ý nghĩa của vấn đề được đặt ra ở đề bài	Vận dụng ra thực tế và bản thân	
	Số câu **Số điểm** **Tỉ lệ**				**2** **6,0** **60%**
Tổng số		3 **2,0** **40%**	3 **2,0** **40%**	3 **6,0** **20%**	7 **10,0** **100%**

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
Môn : Ngữ văn 10(Năm học 2024 – 2025)

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.
- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho điểm tối đa.
- Điểm bài thi làm tròn đến 0,5 điểm.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

Phần I	Câu	Nội dung	Điểm
		ĐỌC HIỂU	**4,0**
	1	- Thể thơ : Thất ngôn bát cú Đường luật. *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời như đáp án: 0,5 điểm* *- Trả lời sai: 0đ*	**0,5**
	2	- Đề tài của bải thơ: Tình bạn *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời như đáp án: 0,5 điểm* *- Trả lời sai không cho điểm.*	**0.5**
	3	- HS chỉ ra được 1 trong 2 biện pháp nghệ thuật sau: + Câu hỏi tu từ: 2 câu hỏi/ 2 dòng thơ + Đối: *Mấy ổ lợn con>< Vài gian nếp cái* *rày lớn, bé>< ngập nông, sâu* - Tác dụng: * Về hình thức: + Biện pháp câu hỏi tu từ :Giúp cho lời nói trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, tạo cho lời thơ giàu cảm xúc. + Biện pháp đối: Tạo sự cân chỉnh, đối xứng, hấp dẫn với người đọc. * Nội dung: Nhằm thể hiện tâm trạng đầy lo lắng, quan tâm giản dị mà chân thành của nhà thơ Nguyễn Khuyến đến cuộc sống thường nhật của bạn (bác Châu Cầu) khi vào mùa lụt lội *Hướng dẫn chấm:* *- Chỉ ra được biện pháp tu từ: 0,25 điểm* *- Trả lời được 1 ý tác dụng về hình thức: 0,25 điểm* *- Trả lời được 1 ý tác dụng về nội dung: 0,5 điểm* *HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.*	**1,0**
	4	- Tâm trạng của tác giả qua hai câu thơ cuối : - Hai câu kết bài : "*Em cũng chẳng no, mà chẳng đói* *Thung thăng chiếc lá, rượu lưng bầu"* thể hiện tâm trạng bằng lòng với cuộc sống hiện tại và một thái độ sống ung dung tự tại giữa cuộc đời, không màng danh lợi, vinh hoa phú quý. *Hướng dẫn chấm:* *- Trả lời như đáp án: 1,0 điểm*	**1,0**

		- *Trả lời được 1 ý tương tự như đáp án: 0,5đ* *(HS có thể diễn đạt theo ý hiểu, giám khảo căn cứ vào cách trả lời của HSđể linh hoạt cho điểm từ 0,25 – 1,0đ)*	
	5	- Hs có thể chọn một thông điệp phù hợp với nội dung văn bản. Sau đây là một số gợi ý: + Tình bạn là một thứ tình cảm cao đẹp mà con người cần có trong cuộc đời. + Tình ban chân chính là một tình bạn chân thành và có sự quan tâm, sẻ chia… + Nên chọn bạn mà chơi, tình bạn mà chỉ chú trọng vật chất và tài sản sẽ không bền vững. + Phải biết yêu quý và tôn trọng tình bạn… - HS lý giải hợp lý. Hướng dẫn chấm: + HS chọn được 1 thông điệp: 0,25đ *+ Lý giải hợp lý: Tùy vào cách trả lời của HS , GV có thể linh hoạt cho điểm từ 0,25 – 0,75đ)*	**1,0**
II		**VIẾT**	**6,0**
	Câu 1	Viết đoạn văn (khoảng 150 – 200 chữ) đánh giá, nhận xét về nội dung bài thơ *Nước lụt hỏi thăm bạn* – Nguyễn Khuyến	**2,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc một đoạn văn nghị luận khoảng 150 – 200 chữ	**0,25**
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: đánh giá những nét đặc sắc về nội dung của bài thơ *Nước lụt hỏi thăm bạn*	**0,25**
		c.Triển khai vấn đề cần nghị luận: HS có thể trình bày theo cách hiểu. Sau đây là gợi ý: - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ *Nước lụt hỏi thăm bạn.* - Khái quát nội dung: + Bài thơ *"Nước lụt hỏi thăm bạn"* là một bài thơ hay viết về đề tài tình bạn. Thông qua việc hỏi thăm khi bạn gặp phải cảnh lũ lụt, tác giả đã bộc lộ nỗi niềm lo lắng, sự quan tâm giản dị mà chân thành của mình đối với bạn. + Cũng qua bài thơ tác giả thể hiện suy tư và tâm trạng của mình về cuộc sống tự tại: bình thản đón nhận những biến cố, không suy tính hơn thiệt, ung dung tự tại bằng lòng với cuộc sống và coi thường danh lợi. + Qua bài thơ, người đọc thấy được một tình bạn đẹp của nhà thơ Nguyễn Khuyến với cụ Nghè Châu Cầu. - Thể hiện thái độ trân trọng với tài năng và nhân cách của bản thân với nhà thơ Nguyễn Khuyến **Hướng dẫn chấm:** *- HS lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (1,0 điểm).* *-HS lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (1,0 điểm - 0,75 điểm).*	**1,0**

		- Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25- 0,5 điểm).	
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp.	**0,25**
		e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo, liên hệ chặt chẽ, thuyết phục.	**0,25**
	Câu 2	Anh/chị hãy viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen bình luận ác ý, thiếu thiện chí trên mạng xã hội.	**4,0**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	**0,25**
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: **Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen bình luận ác ý, thiếu thiện chí trên mạng xã hội.**	***0,5***
		Hs có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục. Sau đây là một hướng gợi ý: **a. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề **b. Thân bài:** **- Biểu hiện của thói quen** bình luận ác ý, thiếu thiện chí trên mạng xã hội là: + Khi đọc những dòng trạng thái mà người khác đăng trên mạng xã hội, bạn dễ dàng buông những lời bình luận thiếu thiện chí, ác ý, tiêu cực, xúc phạm… như: *"Thất bại à? Cho chết đi"; "Đổ vỡ à? Sáng mắt chưa?"* ... Và còn rất nhiều lời bình luận thô lỗ, tục tĩu, phân biệt đối xử, định kiến hoặc quấy rối … + Bạn dễ dàng buông những lời ác ý đó vì đôi khi chính bạn nghĩ đó chỉ là lời nói đùa trên một thế giới ảo nên sẽ không gây hậu quả nghiêm trọng nào. **- Lý do nên từ bỏ thói quen đó:** Thói quen đó tưởng chừng như vô hại nhưng thực tế lại để lại rất nhiều hậu quả nghiêm trọng như: + Khiến sự việc trở nên nghiêm trọng hơn; khiến nạn nhân của những lời bình luận ác ý rơi vào khủng hoảng, bế tắc, sỡ hãi, mất niềm tin vào cuộc sống ... + Người thường xuyên buông những lời bình luận ác ý, thiếu thiện chí cũng đã vô tình biến mình thành kẻ xấu, phán xét, định kiến với người khác; tự làm xấu hình ảnh của bản thân, khiến bản thân trở thành người ích kỷ, hẹp hòi, thiếu bao dung, không biết yêu thương và chia sẻ. Lâu dần sẽ tự biến mình thành người xấu với những suy nghĩ tiêu cực … + Bình luận ác ý, thiếu thieenjc hí còn gây ra những mâu thuẫn, xung đột, trách móc, oán ghét lẫn nhau làm ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ của bạn với mọi người…. **- Cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen:** + Biết cách cảm thông với hoàn cảnh, số phận của người khác. + Biết đặt mình vào vị trí của người khác, nhìn nhận vấn đề theo nhiều phương diện, chiều hướng khác nhau để hiểu đúng. + Biết kiềm chế cảm xúc, suy nghĩ nông nổi nhất thời để tránh phán xét, áp đặt, định kiến với người khác.	***2,5***

		+ Tham gia mạng xã hội một cách thông minh, tránh những hội nhóm tiêu cực; suy nghĩ thật kỹ trước khi bình luận, nhận xét người khác. **- Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi bạn từ bỏ được thói quen ình luận ác ý, thiếu thiện chí trên không gian mạng.** + Khi bạn không còn phán xét, không bình luận tiêu cực bạn sẽ thấy cuộc sống đầy những điều tốt đẹp đáng trân trọng. + Bạn sẽ nhận được sự tin tưởng, yêu thương, sẻ chia và giúp đỡ từ những người xung quanh vì ngừng phán xét, ác ý với người khác cũng chính là tạo cơ hội cho bản thân trở nên bao dung và tốt đẹp hơn. **c. Kết bài: Ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen bình luận ác ý, thiếu thiện c hí trên mạng xã hội** **** Hướng dẫn chấm:*** *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2.5 điểm.* *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 2,0 điểm – 1.75 điểm.* *- Trình bày chung chung, sơ sài: 0.25 điểm – 0.75 điểm.*	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. **** Hướng dẫn chấm:*** *Nếu mắc từ 04 -5 lỗi dùng từ, ngữ pháp trừ 0,25 điểm*	**0,25**
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	**0,5**
TỔNG ĐIỂM			**10**